TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 05-9-2022
V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hai

Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021, về việc "Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022, ; Thông báo mở lại phiên tòa số 15/TB-TA, ngày 16 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1968
Địa chỉ: Tổ B, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện hợp pháp của bà H: Chị Hồ Mỹ S, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số nhà A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.
Là đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2021).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, sinh năm 1982
Địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Anh Đỗ Thanh H1, sinh năm 1980

Địa chỉ ĐKTT: Số D, đường T, Khóm C, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chổ ở hiện nay: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Hồ Mỹ S có mặt, bị đơn chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ú vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh H1 (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị H ủy quyền cho chị Hồ Mỹ S trình bày*:*

Vào ngày 30/01/2021, bà H có cho chị N, anh H1 và bà Út m số tiền là 3.000.000.000đ *(ba tỷ đồng)*. Việc mượn tiền có làm biên nhận ngày 30/01/2021, nội dung biên nhận thể hiện số tiền mượn là 3.000.000.000đ, thời hạn vay là 90 ngày (từ ngày 30/01/2021 đến ngày 30/4/2021), mục đích mượn tiền là để kinh doanh. Mẫu biên nhận mượn tiền là của bà H đưa cho chị N tự viết, ký ghi họ tên và điền nội dung vào biên nhận. Trong biên nhận không thể hiện lãi suất, nhưng trên thực tế giữa các bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, từ ngày vay tiền, chị N, anh H1 và bà Ú không có đóng lãi cho bà H. Đến hạn trả tiền vay bà H nhiều lần điện thoại cũng như tìm đến nhà thì chị N và bà Ú cố tình lẫn tránh, hứa hẹn trả tiền nhưng đến nay vẫn không đóng lãi và không trả tiền vốn cho bà H. Việc vay, mượn tiền giữa hai bên không có thế chấp tài sản.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, bà H yêu cầu chị N, anh H1 và bà Ú liên đới trả cho bà H số tiền vốn vay là 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 30/4/2021 đến ngày 05/9/2022 (16 tháng, 05 ngày), thành tiền: 3.000.000.000đ x 0,83% x 16 tháng 05 ngày = 402.550.000đ (Bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng bà H yêu cầu chị N, bà Ú và anh H1 liên đới trả cho bà H số tiền vốn, lãi là 3.402.550.000đ (Ba tỷ bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Về chi phí giám định số tiền là 12.510.000đ, bà H yêu cầu chị N anh H1 và bà Ú liên đới chịu toàn bộ.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ (niêm yết công khai): Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng chị N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho chị N nhiều lần

nhưng chị N vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có nhận được văn bản đề tên Nguyễn Nguyệt Tuyết N, trong đó có thể hiện nội dung không thừa nhận đối với biên nhận mượn tiền viết tay của bà Đỗ Thị H, sinh năm 1968, địa chỉ: tổ B, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, số tiền vốn vay là 3.000.000.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh H1 trình bày ý kiến:

Anh H1 và chị N là vợ chồng, bà Ú là mẹ vợ của anh H1. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu anh H1 liên đới với chị N và bà Ú trả cho bà H số tiền vốn, lãi tạm tính là 3.290.500.000đ, anh H1 xác định không biết bà H đồng thời cũng không có vay mượn tiền của bà H, trên biên nhận mượn tiền anh H1 không có ký tên. Việc chị N và bà Ú có vay tiền của bà H không thì anh H1 không biết. Anh H1 không đồng ý liên đới với chị N và bà Ú trả tiền cho bà H theo yêu cầu khởi kiện của bà H và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài ra, anh H1 không còn ý kiến gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ú vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ (niêm yết công khai): Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng bà Ú không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho bà Ú rất nhiều lần nhưng bà Ú vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh H1) đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn (chị N),nNgười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Ú) không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H. Buộc chị Nguyễn Nguyệt T N trả cho bà H số tiền vốn 3.000.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 30/4/2021 đến ngày 05/9/2022, số tiền là 402.550.000đ, tổng cộng vốn, lãi là 3.402.550.000đ (Ba tỷ bốn trăm lẽ hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Bác yêu cầu của bà H về việc yêu cầu anh Đỗ Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ú liên đới với chị N trả cho bà H số tiền vốn, lãi là 3.402.550.000đ (Ba tỷ bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Về án phí và chi phí tố tụng khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường T, thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh H1 xin vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ú vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ú.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H yêu cầu chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, anh Đỗ Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ú liên đới trả tiền vốn vay là 3.000.000.000đ và tiền lãi là 402.550.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về tiền vốn vay:

Căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 30/01/2021, bà Đỗ Thị H xác định cho chị N mượn số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), có làm biên nhận mượn tiền, nội dung biên nhận thể hiện chị N có mượn của bà H số tiền 3.000.000.000đ, thời hạn mượn là 90 ngày (từ ngày 30/01/2021 đến ngày 30/4/2021), không thể hiện lãi suất, mục đích mượn để kinh doanh. Mẫu biên nhận là của bà H, chữ viết, chữ ký tên Nguyễn Nguyệt Tuyết N trên biên nhận là do chị N tự viết và ký ghi họ tên.

Đồng thời theo xác nhận của công an phường T, thành phố S và lời trình bày của anh Đỗ Thanh H1 là chồng chị N, ông Trần Minh T1 là dượng của chị N và là người trông nhà cho gia đình chị N xác định, chị N hiện tại vẫn có mặt, sinh sống tại địa chỉ số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho chị N, phía chị N mặc dù biết bà H khởi kiện, tuy nhiên chị N không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với ý kiến tại văn bản đề tên Nguyễn Nguyệt Tuyết N, trong đó có thể hiện nội dung không thừa nhận đối với biên nhận mượn tiền viết tay của bà Đỗ Thị H, sinh năm 1968, địa chỉ: tổ B, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, số tiền vốn vay là 3.000.000.000 đồng. Hội đồng xét xử không xem xét, bởi lẽ không xác định được người gửi văn bản là ai, chữ ký, chữ viết và nội dung trên văn bản là của ai. Trường hợp, văn bản trên của chị N thì Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ rất nhiều lần chị N lại không đến Tòa để trình bày ý kiến, cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Mặt khác, theo kết luận giám định số 586/KL-KTHS ngày 15/7/2022 của Phòng K, Công an tỉnh Đ xác định chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Nguyệt T Ngân trên tờ biên nhận mượn tiền ngày 30/01/2021 so với chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh là do cũng một người viết ra. Sau khi có kết quả giám định Tòa án cũng đã thông báo cho chị N biết, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn vắng mặt, không có văn bản ý kiến và không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó cho thấy chị N đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

Tại khoản 2 Điều 91 bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

"2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó."

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định chị N vay của bà H số tiền là 3.000.000.000đ là có thật. Do đó, việc bà H yêu cầu chị N trả số tiền vốn vay 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) theo như giấy mượn tiền ngày 30/01/2021 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi:

Trong biên nhận mượn tiền ngày 30/01/2021 không có ghi lãi suất vay tiền bao nhiêu nhưng bà H xác định hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng. Từ khi vay, chị N không có đóng lãi cho bà H. Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi của số tiền vay từ ngày 30/4/2021 đến ngày 05/9/2022 với mức lãi suất là 0,83%/tháng, xét sự tự nguyện này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tiền lãi được tính cụ thể như sau: số tiền vốn vay 3.000.000.000đ, tính lãi từ ngày 30/4/2021 đến ngày 05/9/2022 là 19 tháng 05 ngày, thành tiền: 3.000.000.000đ x 0,83%/tháng x 19 tháng 05 ngày = 402.550.000đ (Bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

[3.3] Về trách nhiệm liên đới:

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 30/01/2021 và lời trình bày của nguyên đơn thể hiện người vay tiền là chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, mục đích vay tiền là để kinh doanh mua bán xăng dầu. Anh Đỗ Thanh H1 không có ký tên trên biên nhận mượn tiền ngày 30/01/2021.

Bà H xác định khi giao tiền là giao cho chị N và bà Ú, giao 02 lần, một lần tại nhà chị N, một lần tại cây xăng T, không có giao tiền cho anh H1. Tuy nhiên, bà H không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, lời trình bày này của bà H không được phía anh H1 thừa nhận, bản thân anh H1 có việc làm và có thu nhập riêng, việc chị N vay mượn tiền của bà H là để phục vụ cho mục đích kinh doanh của chị N, không nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Mặt khác, qua xác minh thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của một số công ty xăng dầu là do chị N đứng tên không phải anh H1.

Đối với nội dung trên biên nhận ngày 30/01/2021 thể hiện "Biên nhận này thay thế cho biên nhận của Nguyễn Thị Ú và Nguyễn Nguyệt Tuyết N đã ghi cho Nguyễn Thế P chồng chị H. Tấc cả biên nhận đã ghi cho A-P sẽ không còn hiệu lực", xét thấy, quá trình làm việc và tại phiên tòa bà H xác định chỉ tranh chấp đối với biên nhận ngày 30/01/2021, các biên nhận trước biên nhận ngày 30/01/2021 sẽ không còn hiệu lực và các biên nhận trước biên nhận ngày 30/01/2021 hiện bà H không còn giữ. Bà H xác định biên nhận ngày 30/01/2021 là để thay thế cho các biên nhận trước đây được ký kết giữa bà H, ông P với chị N và bà Ú (ông P chết vào năm 2019), có nghĩa là các bên đương sự đã xác lập một giao dịch mới, các giao dịch trước đây đã không còn hiệu lực nên không còn liên quan đến bà Ú và anh P. Theo đó, giao dịch vay mượn tiền ngày 30/01/2021 chỉ thể hiện người vay tiền là chị Nguyễn Nguyệt T N không có bà Nguyễn Thị Ú ký tên trên biên nhận và bà Ú cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, việc bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú và anh Đỗ Thanh H1 liên đới với chị N trả tiền cho bà H là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Như vậy, từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị H số tiền vốn vay 3.000.000.000đ và tiền lãi 402.550.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 3.402.550.000đ (Ba tỷ bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4.2] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí giám định số tiền là 12.510.000đ (Mười hai triệu năm trăm mười ngàn đồng). Bà H đã nộp tạm ứng và chi xong nên chị N có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 12.510.000đ cho bà H.

[5] Đối với ý kiến đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận như đã nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, Điều 92, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H.

Buộc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N trả cho bà Đỗ Thị H số tiền vốn vay là 3.000.000.000đ và tiền lãi là 402.550.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 3.402.550.000đ (Ba tỷ bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bác yêu cầu của bà Đỗ Thị H về việc yêu cầu anh Đỗ Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ú liên đới với chị Nguyễn Nguyệt T N trả cho bà Đỗ Thị H số tiền vốn vay 3.000.000.000đ và tiền lãi là 402.550.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 3.402.550.000đ (Ba tỷ bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải chịu 100.051.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu liên đới không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.900.000đ theo biên lai số 0013771 ngày 03/6/2021 và số tiền tạm ứng án phí 3.125.500đ đã nộp theo biên lai thu số 0000944 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc. Sau khi khấu trừ, bà H được nhận lại số tiền 49.725.500đ.

2.2 Về chi phí tố tụng khác:

Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải chịu chi phí giám định số tiền là 12.510.000đ (Mười hai triệu năm trăm mười ngàn đồng) để hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Đỗ Thị H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phấn